TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-ST
Ngày: 27/02/ 2018
V/v tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Anh Thư.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Phước Công.**

2. Ông **Nguyễn Văn Hồng.**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Tấn Kiệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Văn Lộc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2017/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1965 (Có mặt).

Cư trú: Ấp T, xã A, huyện M, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà **Cao Thị Bé Mười N**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã A, huyện M, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà Cao Thị Bé Mười N có tham gia nhiều dây hụi do bà làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, gồm 20 vụi viên, khui vào ngày 30/10âl/2014, bà Mười Nhỏ tham gia 01 phần, đến ngày 30/01âl/2015, bà N hốt hụi được 51.000.000 đồng, bà N chầu hụi chết đến tháng 7. 2015 thì ngưng, dây hụi này mãn vào tháng 3.2016, số tiền bà Mười Nhỏ chưa chầu hụi chết tổng cộng 10 lần x 3.000.000 đồng = 30.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 20 vụi viên, khui vào ngày 30/01âl/2015, bà N tham gia 02 phần, đến ngày 30/02âl/2015, bà N hốt hụi được 71.000.000 đồng và 30/3âl/2015, bà N hốt được 78.000.000 đồng, cả hai phần hụi bà N chầu hụi chết đến tháng 7.2015 thì ngưng, dây hụi này mãn vào ngày 30.6.2016, số tiền bà N chưa chầu tổng cộng (15 lần x 5.000.000 đồng) x 2 = 150.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi bà N nợ là 180.000.000 đồng. Bà có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết vào ngày 23/12/2016, thì bà N thừa nhận nợ bà số tiền hụi chết là 180.000.000 đồng và yêu cầu trả mỗi tháng 3.000.000 đồng từ ngày 01/01/2017 cho đến khi hết nợ, nhưng từ khi cam kết cho đến nay chỉ trả được 02 lần x 2.000.000 đồng = 4.000.000 (bốn triệu) đồng thì ngưng cho đến nay. Nay bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện bà yêu cầu bà Cao Thị Bé Mười N có nghĩa vụ trả số tiền hụi chết 176.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền 4.000.000 đồng bà xin rút yêu cầu không yêu cầu bà Cao Thị Bé Mười N trả số tiền trên cho bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Cao Thị Bé Mười đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và đối chất nhưng bà Mười N vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Theo bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà có làm chủ nhiều dây hụi và bà Mười N tham gia 02 dây hụi, cụ thể: Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng ngày 30/01al/2014, có 20 hụi viên, bà Mười N tham gia 01 phần, đã hốt, còn nợ hụi chết 10 lần là 30.000.000 đồng; dây hụi 5.000.000 đồng/tháng ngày 30/01/2015 có 20 hụi viên bà mười n tham gia 02 phần, đã hốt còn nợ hụi chết 15 lần x 5.000.000 đồng x 02 lần là 150.000.000 đồng. Ngày 23/12/2016 tại UBND xã A bà Mười N thừa nhận nợ 180.000.000 đồng đã trả được 4.000.000 đồng. Nay, yêu cầu bà Mười N trả 176.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Phía bà Cao Thị Bé Mười N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng góp hụi giữa bà T với bà Mười N được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái đạo đức xã hội và pháp luật. Chứng cứ thể hiện là biên bản hòa giải ngày 23/12/2016 của UBND xã A "Bà Mười N thừa nhận nợ hụi bà T 180.000.000 đồng" và đã trả được 4.000.000 đồng nên việc bà T khởi kiện là có căn cứ.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng bà T tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là có căn cứ phù hợp Điều 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về lãi suất, do bà T không yêu cầu nên không đề cập đến.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng: [1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Cao Thị Bé Mười N. Bà Mười N có nơi cư trú tại ấp L, xã A, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn bà Cao Thị Bé Mười N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng bà Mười N vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Mười N là có căn cứ.

[3] Ngày 12/9/2017, bà Nguyễn Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện: Bà yêu cầu bà Cao Thị Bé Mười N có trách nhiệm trả cho bà số tiền hụi 176.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền 4.000.000 đồng bà xin rút yêu cầu không yêu cầu bà Cao Thị Bé Mười N trả số tiền trên cho bà. Tại phiên Tòa hôm nay bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu này. Xét thấy, việc thay đổi rút một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về pháp luật nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Cao Thị Bé Mười N thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 176.000.000 đồng. Bà T cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên bản hòa giải ngày 23/12/2016 của Ủy ban nhân dân xã A có chữ ký tên của bà Cao Thị Bé Mười N và có xác nhận của chính quyền địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông

báo thụ lý vụ án và triệu tập bà Mười N tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng bà vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, theo biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã A ngày 23/12/2016 có nội dung "Bà T yêu cầu bà Mười N trả số tiền hụi chết 180.000.000 đồng, bà Mười N yêu cầu được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ" đã thể hiện bà Mười N có nợ bà T số tiền hụi tổng cộng là 180.000.000 đồng và bà Mười N có thực hiện trả dần cho bà T được 02 lần với số tiền 4.000.000 đồng, điều này phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án ngày 19/10/2017. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ cơ sở để xác định các bên đã xác lập hợp đồng góp hụi trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội và việc bà Mười N đã nợ của bà T tổng số tiền 180.000.000 đồng, đã trả 4.000.000 đồng, hiện còn nợ 176.000.000 đồng là có thật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự 2005. Do phía bà Mười N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Nay bà T khởi kiện là có cơ sở.

[5] Do bà T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Từ những cơ sở phân tích trên, có cơ sở buộc bà Cao Thị Bé Mười N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền hụi còn nợ 176.000.000đ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên bà Cao Thị Bé Mười N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Cao Thị Bé Mười N.

+ Buộc bà Cao Thị Bé Mười N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền hụi còn nợ tổng cộng 176.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với số tiền 4.000.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 8.800.000 đồng (Tám triệu, tám trăm nghìn đồng) bà Cao Thị Bé Mười N phải chịu.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 4.500.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014120, ngày 03/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Thư